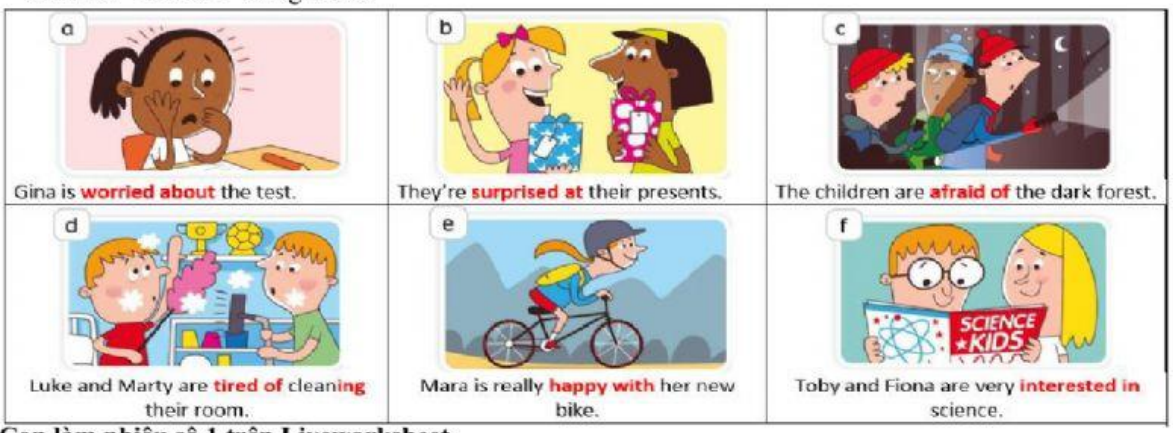
Name: ..... Class: 3A4

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (28 - 04/03/2022)

Thời gian	Nội dung học: Unit 7 – Grammar 1+ Vocabulary 2 (trang 106-108)
Thứ 2 (28/02)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo** (3 lần) Con mở "**Track 1**" để nghe bài.



2) Con làm phiếu số 1 trên Liveworksheet.

3) Con chép nội dung sau vào vở Tiếng Anh:

Grammar 1

She's interested in comic books.

I'm interested in learning to play chess.

I'm bored with playing video games.

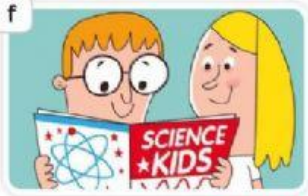
interested in surprised at
happy with bored with
afraid of tired of
worried about

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3 (01/03)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở "**Track 1**" để nghe bài.

a  Gina is **worried about** the test.	b  They're **surprised at** their presents.	c  The children are **afraid of** the dark forest.
d  Luke and Marty are **tired of** cleaning their room.	e  Mara is really **happy with** her new bike.	f  Toby and Fiona are very **interested in** science.

2) Con hoàn thành trang 92, 93 sách Workbook.

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4
(02/03)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở "**Track 2**" để nghe bài.



- Which animals are you **afraid of**?
- I'm **afraid of** snakes.



- Which sports are you **interested in**?
- I'm **interested in** figure skating.



- Which toys or games are you **bored with**?
- I'm **bored with** the fishing game.





- Which school subjects are you **happy with**?
- I'm **happy with** English and art.

2) Con làm phiếu số 2, 3 trên Liveworksheet.

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5 (03/03)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở "**Track 2**" để nghe bài.



- Which animals are you **afraid of**?
- I'm **afraid of** snakes.



- Which sports are you **interested in**?
- I'm **interested in** figure skating.



- Which toys or games are you **bored with**?
- I'm **bored with** the fishing game.





- Which school subjects are you **happy with**?
- I'm **happy with** English and art.

LIVEWORKSHEETS

2) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở "**Track 3**" để nghe bài.



3) Con luyện viết từ mới: orchestra, cello, drum, clarinet, saxophone

4) Con làm trang 94 sách Workbook.

5) Con làm phiếu số 4 trên Liveworksheet.

LIVEWORKSHEETS

Thứ 6 (04/03)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo** (3 lần) Con mở "**Track 3**" để nghe bài.  **2) Con luyện viết từ mới:** trombone, trumpet, string, dream, exciting **3) Con làm phiếu số 5 trên Liveworksheet.** **4) Con làm bài tập trên Pearson.**

~ THE END ~

LIVEWORKSHEETS